

**VN-Index** **1557.42 (1.72%)**

1920 Tr. cổ phiếu 46882.1 Tỷ VND (24.89%)

**HNX-Index** **263.79 (3.63%)**

199 Tr. cổ phiếu 4038.0 Tỷ VND (24.61%)

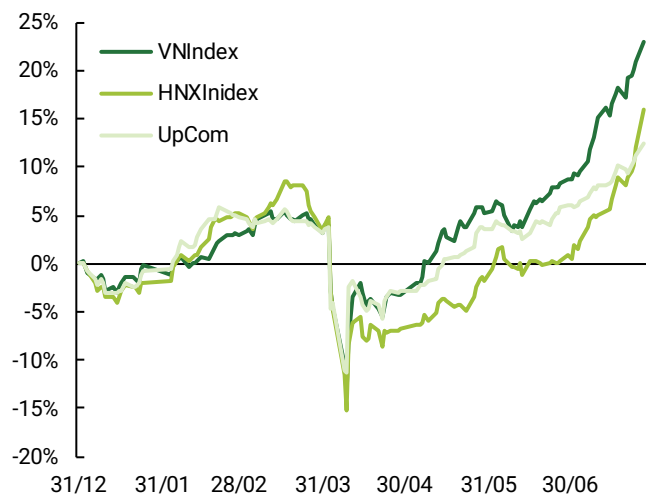
**UPCOM-Index** **106.94 (1.11%)**

109 Tr. cổ phiếu 1419.6 Tỷ VND (-6.23%)

**VN30F1M** **1693.00 (1.20%)**

187,750 HD OI: 56,758 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Thị trường mở cửa tuần trong khởi sắc, thanh khoản bùng nổ và chỉ số xác nhận vượt hần đỉnh lịch sử. Nhiều doanh nghiệp đã công bố kết quả kinh doanh khả quan cùng với kỳ vọng tiến triển tốt trong các cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ và những đối tác trước hạn 01/08 đã thúc đẩy tâm lý. Cổ phiếu Bất động sản bật tăng mạnh mẽ sau thông tin Thanh tra Chính phủ vừa công bố kế hoạch thanh tra diện rộng 898 dự án trên cả nước, tập trung làm rõ nguyên nhân chậm tiến độ, vướng mắc pháp lý và nguy cơ thất thoát.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Độ rộng thị trường đồng thuận nghiêng về bên mua. Đa số nhóm ngành khởi sắc. Trong đó, nhóm Bất động sản, Chứng khoán, Ngân hàng tiếp tục hút tiền mạnh, kết phiên tích cực với nhiều mã tăng trần và đạt trạng thái dư mua. Bên cạnh nhóm cổ phiếu liên quan Gelex cũng tiếp đà hưng phấn góp phần tạo thêm lực đẩy. Chiều tăng nổi bật còn quan sát ở nhóm Thép, Đầu tư công. Ở chiều ngược lại, sắc đỏ hạn chế, với nhóm Dầu khí, Dược, Cao su, phản ứng kém. Về mặt điểm số, giữ vai trò động lực là đà tăng từ VPB, VHM, VCB, trong khi, đà giảm từ VRE, PLX, FRT, đã kìm hãm chỉ số. Khối ngoại bán ròng lớn gần 1052 tỷ đồng, tập trung nhiều ở HPG, FPT, GVR, VIX.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** tiếp tục đi lên và đóng cửa ở mức cao nhất phiên cho thấy lực mua vẫn duy trì tốt trên vùng giá cao. Khớp lệnh cũng giữ ở mức tích cực đồng thuận. Dù vậy, bắt đầu có sự phân hóa giữa các nhóm ngành, cổ phiếu trên cơ sở chất lọc, chứ không hàm ý tiêu cực. Các chỉ báo kỹ thuật cải thiện, giảm bớt tín hiệu phân kỳ trước đó, điều này giúp củng cố cho động lượng tăng. Trong trạng thái vừa bứt phá khỏi đỉnh, chỉ số có thể chậm lại để củng cố đà. Vận động khả năng rung lắc quanh khu vực 1540 (+/- 20 điểm). Hỗ trợ ngắn hạn được nâng lên ngưỡng 1490 điểm, trong khi kháng cự mục tiêu là ngưỡng 1580 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số cũng giao dịch hưng phấn và kết phiên với mẫu hình nền Marubozu, xác nhận vượt hần ngưỡng cản 260. Vận động có thể hạ nhiệt kiểm định lại ngưỡng này nhằm thiết lập nền giá cao mới.
- **Chiến lược chung:** Tăng tỷ trọng, cân nhắc tận dụng nhịp điều chỉnh khi thị trường hạ nhiệt kiểm định lại đỉnh cũ. Ở chiều mua mới, với những cổ phiếu vừa thoát khỏi nền giá trung hạn có thể tham gia. Các nhóm ưu tiên chú ý: Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản, Đầu tư công, Tiện ích (Điện)

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Nâng giá mục tiêu BVB, VSC, POW (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 11)

Nhận định thị trường | 1

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số               | Giá đóng cửa | % Thay đổi |        |        | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với |                    |                     | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với |                    |                     |
|----------------------|--------------|------------|--------|--------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|---------------------|
|                      |              | (%) 1D     | (%) 1W | (%) 1M |                            | 01 phiên trước                       | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |                                 | 01 phiên trước                          | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| Theo chỉ số          |              |            |        |        |                            |                                      |                    |                     |                                 |                                         |                    |                     |
| VN-Index             | 1,557.4 ▲    | 1.7%       | 4.9%   | 13.6%  | 46,882.1 ▲                 | 24.9%                                | 32.1%              | 146.8%              | 1,920.0 ▲                       | 27.3%                                   | 30.0%              | 165.5%              |
| HNX-Index            | 263.8 ▲      | 3.6%       | 7.3%   | 15.8%  | 4,038.0 ▲                  | 24.6%                                | 36.1%              | 210.8%              | 199.1 ▲                         | 18.5%                                   | 16.4%              | 160.1%              |
| UPCOM-Index          | 106.9 ▲      | 1.1%       | 2.6%   | 6.3%   | 1,419.6 ▼                  | -6.2%                                | 20.0%              | 74.7%               | 108.7 ▼                         | -12.5%                                  | 35.1%              | 73.0%               |
| VN30                 | 1,695.6 ▲    | 1.6%       | 4.2%   | 14.9%  | 20,624.6 ▲                 | 45.1%                                | 30.3%              | 108.6%              | 660.4 ▲                         | 49.0%                                   | 26.3%              | 113.8%              |
| VNMID                | 2,397.6 ▲    | 3.5%       | 10.9%  | 21.5%  | 18,864.1 ▲                 | 4.3%                                 | 22.9%              | 164.5%              | 720.6 ▲                         | 2.5%                                    | 12.9%              | 146.7%              |
| VNSML                | 1,604.1 ▲    | 2.1%       | 4.9%   | 11.0%  | 5,157.4 ▲                  | 36.5%                                | 71.1%              | 245.1%              | 310.4 ▲                         | 47.4%                                   | 54.6%              | 263.2%              |
| Theo ngành (VNIndex) |              |            |        |        |                            |                                      |                    |                     |                                 |                                         |                    |                     |
| Ngân hàng            | 607.1 ▲      | 1.9%       | 3.0%   | 12.2%  | 12,118.5 ▲                 | 52.1%                                | 33.8%              | 56.1%               | 506.3 ▲                         | 50.8%                                   | 31.6%              | 51.7%               |
| Bất động sản         | 489.2 ▲      | 1.8%       | -1.0%  | 19.0%  | 8,116.4 ▲                  | 59.2%                                | 46.1%              | 70.0%               | 371.1 ▲                         | 51.7%                                   | 44.3%              | 60.1%               |
| Dịch vụ tài chính    | 348.3 ▲      | 5.1%       | 8.8%   | 30.2%  | 7,015.3 ▼                  | -7.2%                                | 7.5%               | 38.9%               | 273.9 ▼                         | -7.3%                                   | -3.9%              | 14.1%               |
| Công nghiệp          | 261.6 ▲      | 3.0%       | 7.0%   | 19.5%  | 2,585.4 ▼                  | -30.5%                               | 0.2%               | 35.2%               | 59.2 ▼                          | -45.4%                                  | -23.4%             | 7.2%                |
| Tài nguyên cơ bản    | 528.1 ▲      | 1.4%       | 0.9%   | 14.3%  | 3,838.9 ▲                  | 89.6%                                | 103.3%             | 133.1%              | 176.4 ▲                         | 83.1%                                   | 96.9%              | 119.7%              |
| Xây dựng - Vật Liệu  | 186.0 ▲      | 2.5%       | 1.4%   | -2.4%  | 2,931.9 ▲                  | 17.8%                                | 41.4%              | 83.7%               | 165.1 ▲                         | 34.8%                                   | 49.4%              | 87.1%               |
| Thực phẩm            | 555.2 ▲      | 1.3%       | 1.5%   | 8.8%   | 3,088.7 ➡                  | 0.8%                                 | 8.6%               | 31.0%               | 82.7 ▼                          | -7.4%                                   | 3.5%               | 25.0%               |
| Bán Lẻ               | 1,365.6 ➡    | 0.1%       | 1.3%   | 10.2%  | 1,669.4 ▲                  | 84.2%                                | 47.4%              | 69.7%               | 38.8 ▲                          | 151.4%                                  | 114.8%             | 152.6%              |
| Công nghệ            | 586.0 ➡      | 0.6%       | 1.1%   | 9.1%   | 1,059.4 ▲                  | 44.3%                                | 22.3%              | -1.0%               | 19.3 ▲                          | 66.7%                                   | 62.1%              | 38.8%               |
| Hóa chất             | 184.4 ➡      | 0.5%       | 3.1%   | 4.3%   | 1,440.7 ▲                  | 17.4%                                | 3.0%               | 35.2%               | 39.0 ▲                          | 19.2%                                   | 5.4%               | 38.2%               |
| Tiện ích             | 680.3 ➡      | 0.6%       | 1.0%   | 3.0%   | 663.5 ▲                    | 4.3%                                 | 24.4%              | 49.0%               | 35.6 ▲                          | 8.2%                                    | 34.8%              | 58.2%               |
| Dầu khí              | 65.1 ▼       | -0.1%      | 3.1%   | 7.0%   | 666.4 ▲                    | 7.1%                                 | 50.7%              | 126.1%              | 29.3 ▲                          | 4.8%                                    | 47.0%              | 116.0%              |
| Dược phẩm            | 430.8 ➡      | 0.5%       | 1.1%   | 3.2%   | 91.7 ▲                     | 15.3%                                | 36.0%              | 33.0%               | 9.6 ▲                           | 63.0%                                   | 64.9%              | 93.4%               |
| Bảo hiểm             | 86.4 ➡       | 0.6%       | 0.1%   | 0.2%   | 68.4 ▲                     | 27.6%                                | 43.0%              | 81.0%               | 2.1 ▲                           | 40.4%                                   | 26.5%              | 95.3%               |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,557.4 ▲    | 1.7%           | 22.9%  | 15.6x           | 1.9x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,217 -      | -              | -13.1% | 13.0x           | 1.2x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 7,615 ▬      | 0.9%           | 7.6%   | 17.5x           | 2.0x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 11,472 ▼     | -0.3%          | -8.8%  | 14.8x           | 1.3x |
| PSEi Index          | Phillipines | 6,380 ▼      | -0.5%          | -2.3%  | 11.2x           | 1.4x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,598 ▬      | 0.1%           | 7.3%   | 17.5x           | 1.5x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 25,562 ▬     | 0.7%           | 27.4%  | 12.1x           | 1.4x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 40,998 ▼     | -1.1%          | 2.8%   | 19.2x           | 2.2x |
| S&P 500             | Mỹ          | 6,389 ▬      | 0.4%           | 8.6%   | 27.1x           | 5.4x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 44,902 ▬     | 0.47%          | 5.5%   | 23.9x           | 5.7x |
| FTSE 100            | Anh         | 9,114 ▼      | -0.1%          | 11.5%  | 13.8x           | 2.1x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,392 ▬      | 0.7%           | 10.1%  | 16.0x           | 2.1x |
|                     |             |              |                |        |                 |      |
| DXV                 |             | 98 ▬         | 0.59%          | -9.5%  |                 |      |
| USDVND              |             | 26,190 ▬     | 0.19%          | 2.8%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

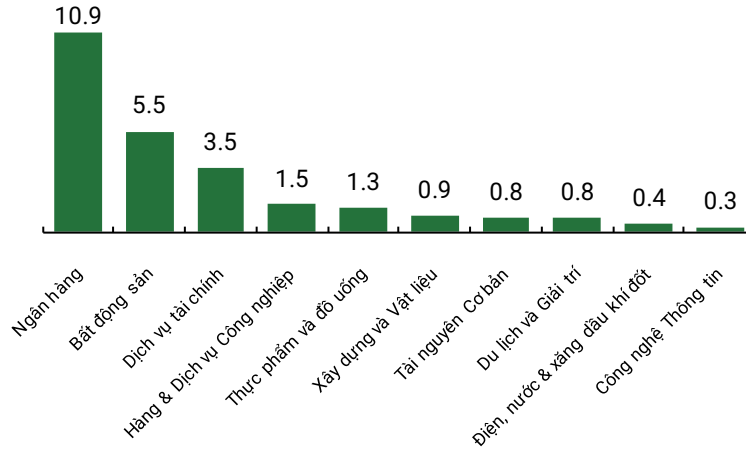
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |   | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
|                           |   | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | ▲ | 1.1%           | 2.1%   | -7.3%  | -14.8% |
| Dầu WTI                   | ▲ | 1.1%           | 0.5%   | -8.2%  | -14.6% |
| Khí gas                   | ▼ | -0.9%          | -17.6% | -15.2% | 53.6%  |
| Than cốc (*)              | ▬ | 0.0%           | 13.2%  | -19.9% | -34.5% |
| Thép HRC (*)              | ▼ | -0.1%          | 8.5%   | -0.1%  | -1.6%  |
| PVC (*)                   | ▬ | 0.8%           | 1.1%   | -4.1%  | -14.9% |
| Phân Urea (*)             | ▬ | 0.6%           | 7.4%   | 26.6%  | 36.4%  |
| Cao su thiên nhiên        | ▼ | -3.1%          | 5.4%   | -13.7% | 4.6%   |
| Bông Cotton               | ▬ | 0.3%           | -0.5%  | -1.8%  | 1.7%   |
| Đường                     | ▬ | 0.8%           | 3.9%   | -14.7% | -10.9% |
| World Container Index     | ▼ | -3.3%          | -15.6% | -33.8% | -56.6% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▼ | -3.0%          | -12.0% | -4.9%  | -13.8% |
|                           |   |                |        |        |        |
| Vàng                      | ▼ | -0.04%         | 1.9%   | 27.1%  | 39.8%  |
| Bạc                       | ▼ | -0.04%         | 6.0%   | 32.0%  | 36.6%  |

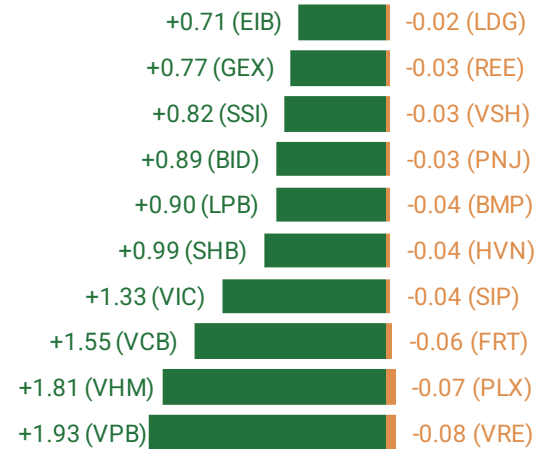
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

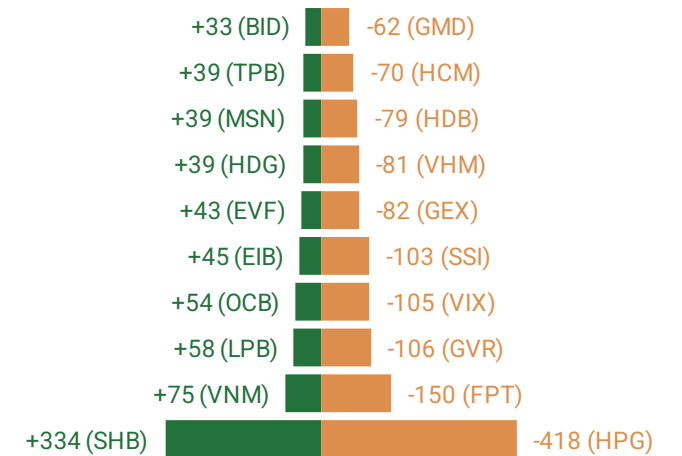
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



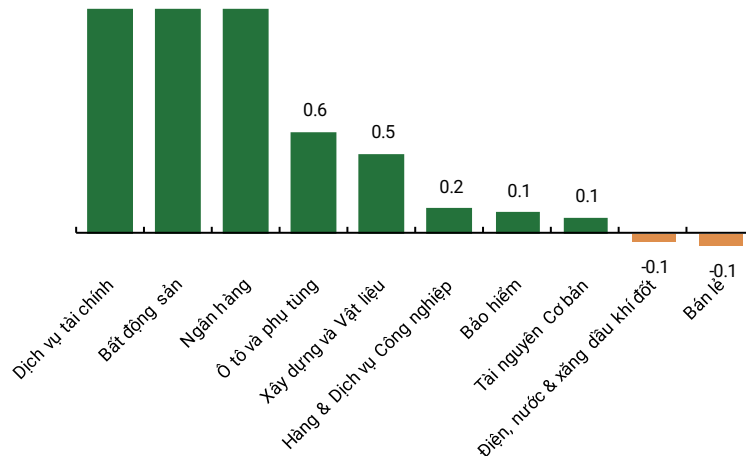
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



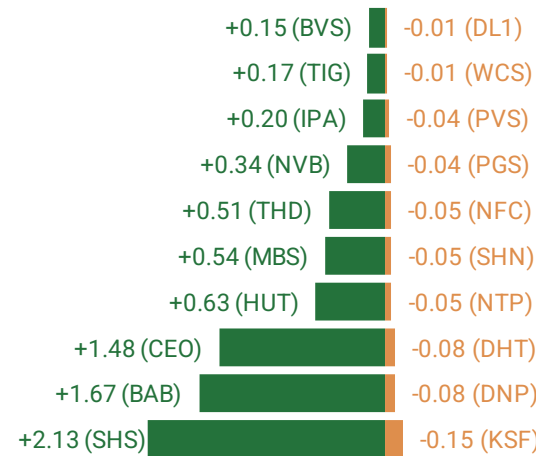
### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



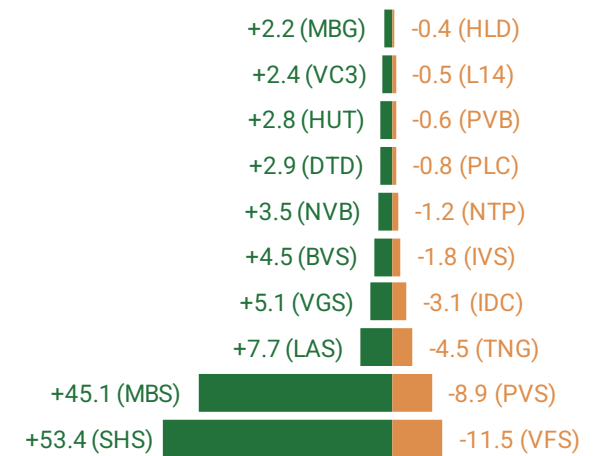
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



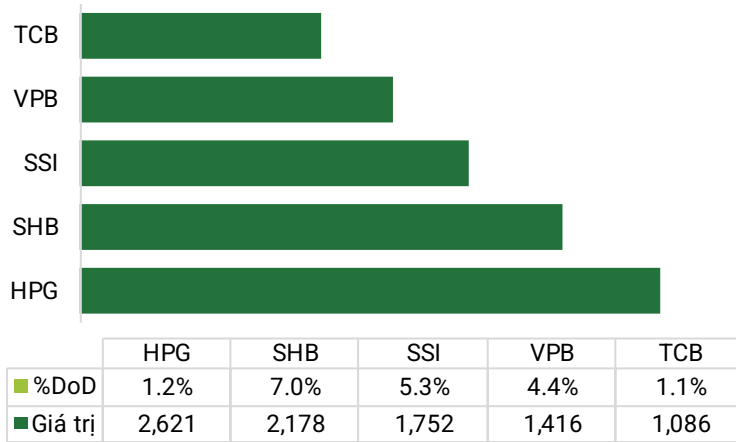
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



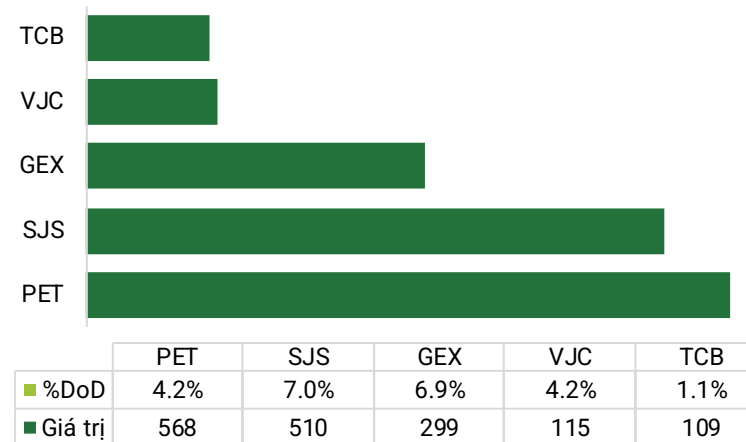
### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

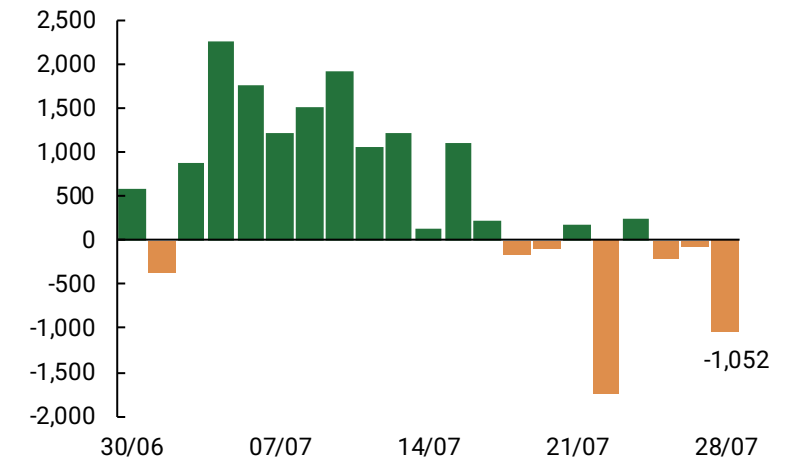


### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

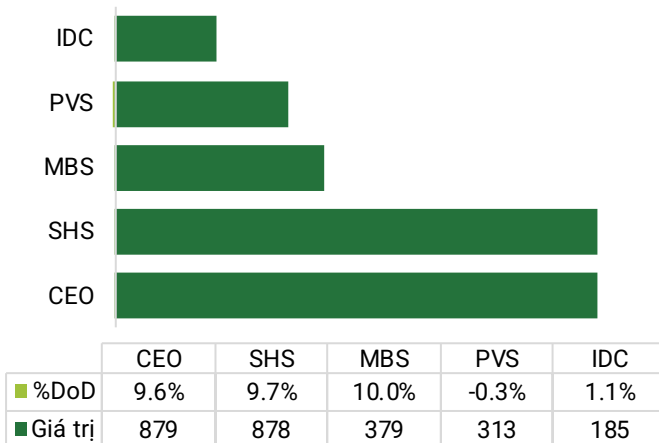


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

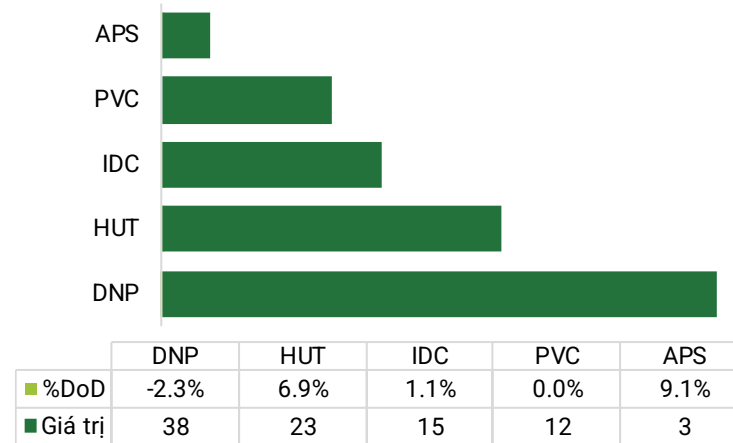
### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



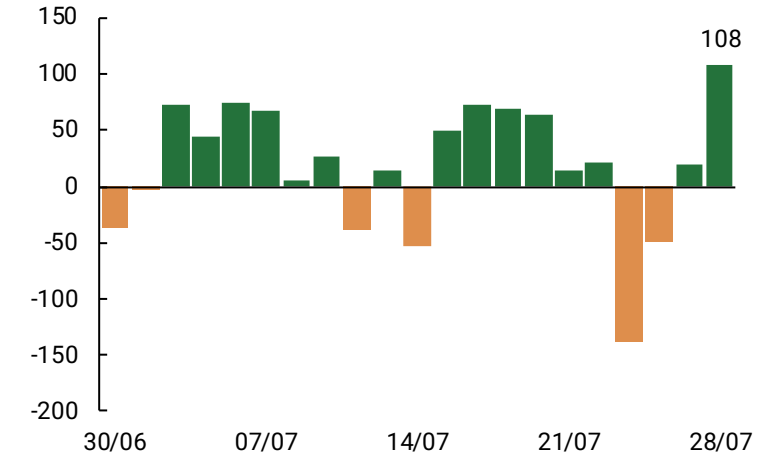
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến tăng Marubozu, vol duy trì mức cao.
- ✓ Hỗ trợ: 1490 - 1510.
- ✓ Kháng cự: 1580.
- ✓ Chỉ báo RSI giảm bớt phân kỳ xu hướng.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá trên 1540.

**Kịch bản:** Thanh khoản tăng tốt trong chiều hướng đi lên cho thấy lực cầu tiếp tục hấp thụ vững ở vùng giá cao. **Vận động có thể hạ nhiệt sau khi bứt phá đỉnh cũ quanh 1540 điểm, trên cơ sở củng cố lại nền giá mới.** Hỗ trợ duy trì động lượng được nâng lên ngưỡng 1490 điểm, trong khi kháng cự mục tiêu là ngưỡng 1580 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến tăng Marubozu, vol tăng.
- ✓ Hỗ trợ: 1640 - 1660.
- ✓ Kháng cự: 1700 - 1720.
- ✓ Chỉ báo RSI giảm bớt phân kỳ xu hướng.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá trên 1640.

➔ Khớp lệnh gia tăng ở cả VN-Index và VN30 trong phản ứng bật tăng cho thấy dòng tiền lan tỏa đều. Sau khi vượt lên thuyết phục ngưỡng cản 1680 điểm, vận động có thể hạ nhiệt kiểm định lại khu vực này, nhằm củng cố thêm đà cho mục tiêu bứt phá cao hơn là ngưỡng 1700 điểm.

| STOCK    |            | STRATEGY    | Technical           |       |       | Financial Ratio  |        |
|----------|------------|-------------|---------------------|-------|-------|------------------|--------|
| Ticker   | <b>BVB</b> | <b>HOLD</b> | Current price       | 15.27 |       | P/E (x)          | 27.3   |
| Exchange | UPCoM      |             | Action price (29/7) | 13.4  | 14.4% | P/B (x)          | 1.5    |
| Sector   | Banks      |             | Cut loss (new)      | 14.4  | 7.9%  | EPS              | 559.4  |
|          |            |             | Target price (new)  | 17    | 27.3% | ROE              | 5.2%   |
|          |            |             | Target price (old)  | 15    |       | Stock Rating     | B      |
|          |            |             |                     |       |       | Scale Market Cap | Medium |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt qua vùng cản mục tiêu 15 (cũng tương ứng với khu vực đỉnh cũ) với thanh khoản cao đồng thuận.
  - Vol gia tăng trong chiều hướng đi lên cho thấy lực cầu được củng cố trên vùng giá cao.
  - Chỉ báo RSI cùng với MACD tiếp tục mở rộng, ủng hộ cho động lượng tăng.
  - Khu vực cản 15 đã bị phá vỡ sẽ hoán đổi vai trò thành hỗ trợ cứng trong ngắn hạn.
- ➔ Xu hướng bứt phá thuyết phục, kỳ vọng đà tăng tiếp tục.
- ➔ KN nắm giữ, nâng giá mục tiêu lên 17 cùng với “chốt lời chủ động” khi giá giảm về dưới 14.4.

| STOCK    |                         | STRATEGY | Technical           |       |       | Financial Ratio  |        |
|----------|-------------------------|----------|---------------------|-------|-------|------------------|--------|
| Ticker   | VSC                     | HOLD     | Current price       | 24.55 |       | P/E (x)          | 23.5   |
|          |                         |          | Action price (25/7) | 18.0  | 36.8% | P/B (x)          | 1.7    |
| Exchange | HOSE                    |          | Cut loss (new)      | 22    | 22.6% | EPS              | 1043.9 |
|          |                         |          | Target price (new)  | 26    | 44.8% | ROE              | 8.4%   |
| Sector   | Transportation Services |          | Target price (old)  | 24    |       | Stock Rating     | BBB    |
|          |                         |          |                     |       |       | Scale Market Cap | Medium |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gia vượt qua vùng cản mục tiêu 24 với khớp lệnh giảm mạnh, cho thấy trạng thái tiết cung và lực bán trên vùng cao cũng chưa muốn tham gia.
  - Chỉ báo RSI cùng với MACD đạt trạng thái hưng phấn nhưng tiếp tục mở rộng xu hướng, chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, biểu thị động lượng tăng mạnh.
- Với trạng thái đi lên dốc như hiện tại, chiến lược phù hợp là dời ngưỡng cắt lỗ lên theo vận động của giá.
- KN nắm giữ, nâng giá mục tiêu lên 26 cùng với “chốt lời chủ động” khi giá giảm về dưới 22.



| STOCK    |                          | STRATEGY | Technical           |      |       | Financial Ratio  |        |
|----------|--------------------------|----------|---------------------|------|-------|------------------|--------|
| Ticker   | POW                      | HOLD     | Current price       | 14.8 |       | P/E (x)          | 27.1   |
|          |                          |          | Action price (29/7) | 12.9 | 14.7% | P/B (x)          | 1.0    |
| Exchange | HOSE                     |          | Cut loss (new)      | 13.9 | 7.8%  | EPS              | 546.2  |
|          |                          |          | Target price (new)  | 16   | 24.0% | ROE              | 4.0%   |
| Sector   | Conventional Electricity |          | Target price (old)  | 14.5 |       | Stock Rating     | B      |
|          |                          |          |                     |      |       | Scale Market Cap | Medium |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt qua vùng cản mục tiêu 14.5 với thanh khoản cao động thuận.
  - Vol giảm trong xu hướng điều chỉnh nhưng gia tăng ở chiều hướng hồi phục, cho thấy lực mua lên chủ động.
  - Chỉ báo RSI cùng với MACD tiếp tục mở rộng, ủng hộ cho động lượng tăng.
  - Khu vực cận 14 đã được kiểm định nhiều lần giữ vai trò hỗ trợ tốt trong ngắn hạn.
- ➔ Xu hướng bứt phá thuyết phục, kỳ vọng đà tăng tiếp tục.
- ➔ KN nắm giữ, nâng giá mục tiêu lên 16 cùng với “chốt lời chủ động” khi giá giảm về dưới 13.9.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú                           |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-----------------------------------|
| 1   | BVB   | Nắm giữ     | 29/07/2025       | 15.3         | 13.4          | 14.4%          | 17.0         | 27.3%      | 14.4       | 7.9%       | Nâng giá mục tiêu 17, cắt lỗ 14.4 |
| 2   | VSC   | Nắm giữ     | 29/07/2025       | 24.55        | 17.95         | 36.8%          | 26.0         | 44.8%      | 22         | 22.6%      | Nâng giá mục tiêu 26, cắt lỗ 22   |
| 3   | POW   | Nắm giữ     | 29/07/2025       | 14.8         | 12.90         | 14.7%          | 16           | 24.0%      | 13.9       | 7.8%       | Nâng giá mục tiêu 16, cắt lỗ 13.9 |

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú                           |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-----------------------------------|
| 1   | POW   | Nắm giữ     | 29/07/2025       | 14.80        | 12.9          | 14.7%          | 16.0         | 24.0%      | 13.9       | 7.8%       | Nâng giá mục tiêu 16, cắt lỗ 13.9 |
| 2   | FPT   | Nắm giữ     | 04/07/2025       | 111.30       | 101.65        | 9.5%           | 113          | 11.2%      | 97.5       | -4.1%      | 21/07: Cổ tức cổ phiếu 15%        |
| 3   | DCM   | Nắm giữ     | 22/07/2025       | 35.70        | 34.35         | 3.9%           | 38           | 10.6%      | 33         | -4%        | Nâng cắt lỗ 33                    |
| 4   | CTD   | Mua         | 18/07/2025       | 84.50        | 83.90         | 0.7%           | 94           | 12.0%      | 82.0       | -2%        | Nâng cắt lỗ 82                    |
| 5   | CMG   | Mua         | 30/06/2025       | 42.65        | 39.05         | 9.2%           | 44           | 12.7%      | 36         | -8%        |                                   |
| 6   | HHV   | Mua         | 09/07/2025       | 13.45        | 12.1          | 11.2%          | 13.3         | 10%        | 11.4       | -6%        | 18/07: Cổ tức cổ phiếu 5%         |
| 7   | BVB   | Nắm giữ     | 29/07/2025       | 15.27        | 13.35         | 14.4%          | 17           | 27.3%      | 14.4       | 8%         | Nâng giá mục tiêu 17, cắt lỗ 14.4 |
| 8   | PVS   | Mua         | 15/07/2025       | 34.20        | 33.3          | 2.7%           | 37           | 11%        | 31.5       | -5%        |                                   |
| 9   | PC1   | Nắm giữ     | 24/07/2025       | 26.20        | 23            | 13.9%          | 26           | 13.0%      | 22.5       | -2%        | Nâng cắt lỗ 22.5                  |
| 10  | VSC   | Nắm giữ     | 29/07/2025       | 24.55        | 17.95         | 36.8%          | 26           | 45%        | 22         | 23%        | Nâng giá mục tiêu 26, cắt lỗ 22   |
| 11  | SHB   | Mua         | 21/07/2025       | 16.10        | 14.2          | 13.4%          | 16           | 13%        | 13.4       | -6%        |                                   |
| 12  | MML   | Mua         | 23/07/2025       | 34.99        | 33.56         | 4.3%           | 38           | 13%        | 32         | -5%        |                                   |
| 13  | PDR   | Mua         | 28/07/2025       | 22.2         | 20.75         | 7.0%           | 24           | 16%        | 19.3       | -7%        |                                   |



### Tín hiệu kỹ thuật

- Ở đồ thị 15 phút, hợp đồng 4111F8000 giao dịch chậm đầu phiên với biến động gần như đi ngang quanh mức 1675 - 1680. Dù vậy, phe Long trở lại mạnh mẽ sau đó giúp hợp đồng bứt phá và kết phiên trong khởi sắc.
- Chỉ báo RSI đang tiếp cận vùng quá mua, thêm vào đó, ngưỡng tâm lý 1700 điểm cũng là vùng cản mạnh, có khả năng xuất hiện nhịp điều chỉnh kỹ thuật để củng cố lại đà. Khu vực kiểm định kỳ vọng quanh 1685 - 1690.
- Vị thế Long nên chờ giá hạ nhiệt kỹ thuật, nếu bật tăng từ vùng kiểm định hoặc vẫn giữ ổn định trên ngưỡng 1690 có thể tham gia. Vị thế Short cân nhắc khi đánh mất hỗ trợ 1680.

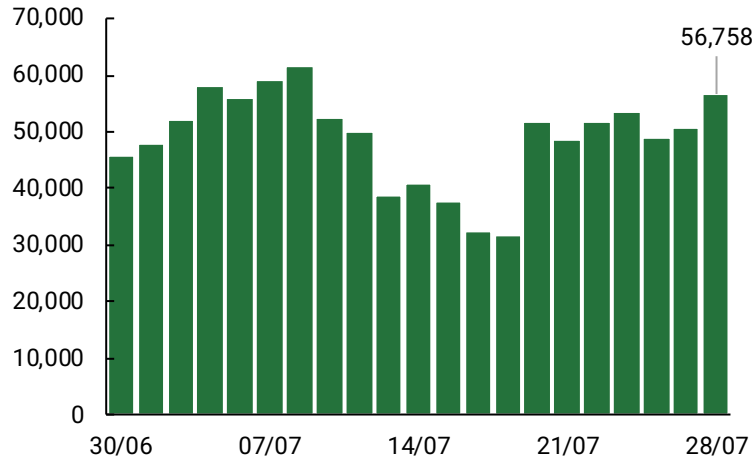
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/<br>Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|----------------------|
| Long   | > 1.690  | 1.700    | 1.685  | 10 : 5               |
| Short  | < 1.680  | 1.670    | 1.685  | 10 : 5               |

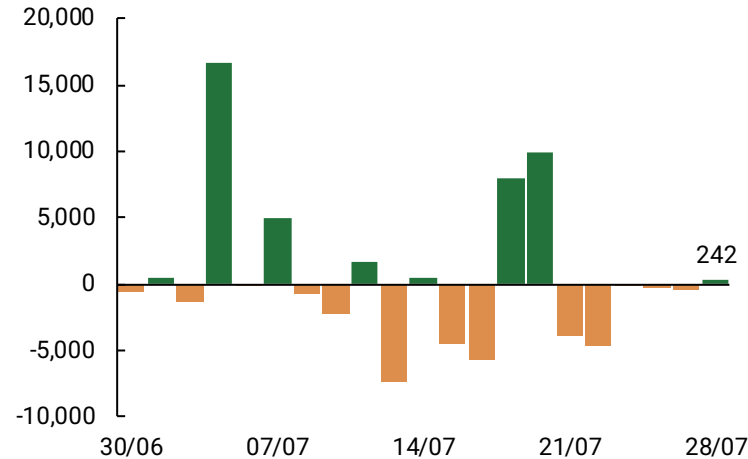
### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| VN30 Index  | 1,695.6      | 26.3            |              |        |               |            |                 |                         |
| 4111F8000   | 1,693.0      | 20.0            | 187,750      | 56,758 | 1,696.6       | -3.6       | 21/08/2025      | 24                      |
| 4111G3000   | 1,670.3      | 21.8            | 68           | 95     | 1,705.0       | -34.7      | 19/03/2026      | 234                     |
| VN30F2509   | 1,685.5      | 17.3            | 1,175        | 3,087  | 1,697.7       | -12.2      | 18/09/2025      | 52                      |
| VN30F2512   | 1,674.6      | 21.0            | 236          | 737    | 1,701.4       | -26.8      | 18/12/2025      | 143                     |

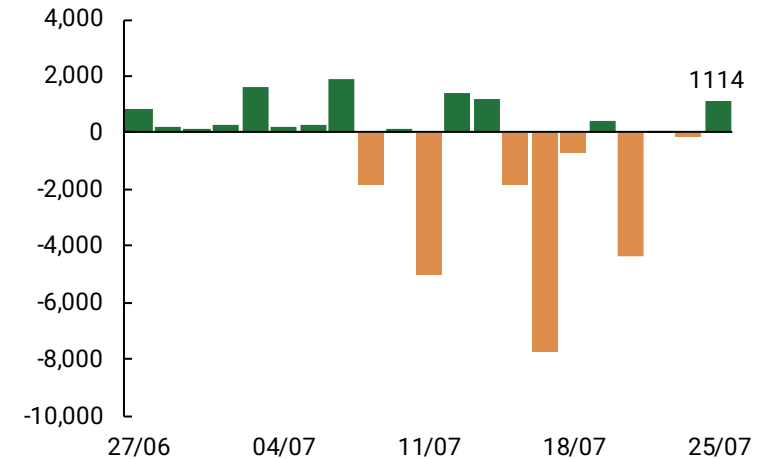
**Khối lượng mở (Open interest)**



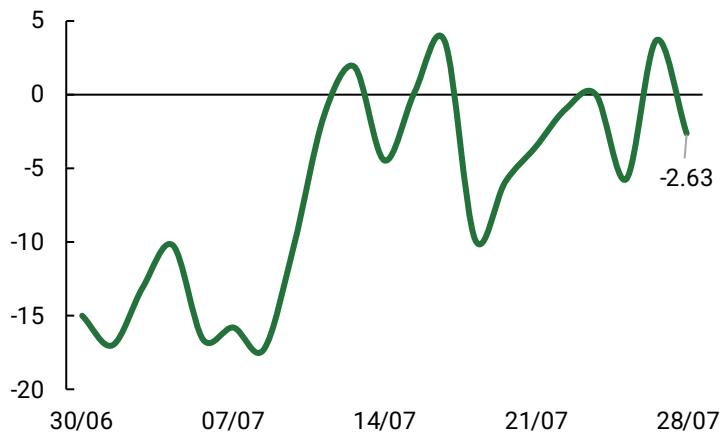
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



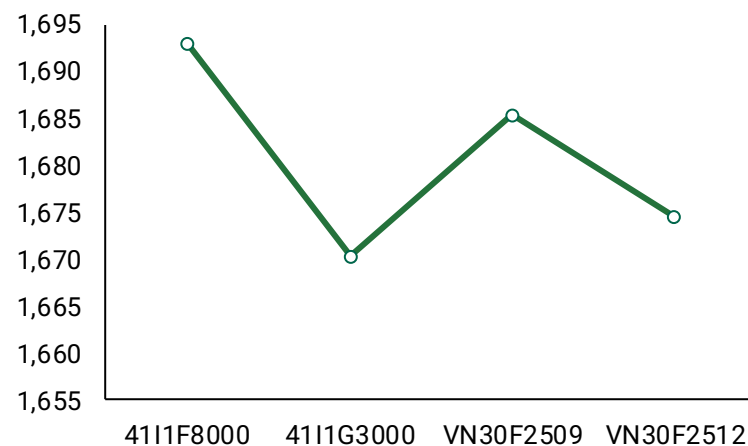
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



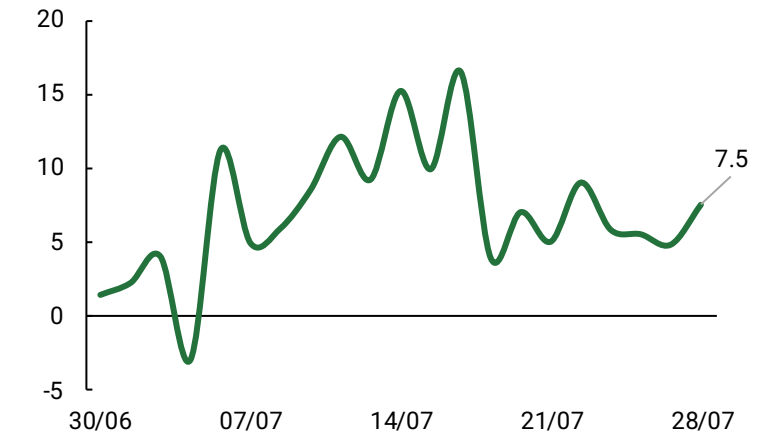
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M – VN30F2M**



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| EVF   | 14,750  | 14,400       | -2.4%               | Giảm tỷ trọng |
| VCG   | 26,350  | 23,518       | -10.7%              | Bán           |
| DGC   | 105,500 | 102,300      | -3.0%               | Giảm tỷ trọng |
| MWG   | 70,200  | 65,700       | -6.4%               | Giảm tỷ trọng |
| HHV   | 13,450  | 12,900       | -4.1%               | Giảm tỷ trọng |
| TCM   | 33,000  | 43,818       | 32.8%               | Mua           |
| AST   | 65,000  | 64,300       | -1.1%               | Giảm tỷ trọng |
| DGW   | 46,500  | 48,000       | 3.2%                | Nắm giữ       |
| DBD   | 56,300  | 66,000       | 17.2%               | Tăng tỷ trọng |
| HAH   | 76,000  | 61,200       | -19.5%              | Bán           |
| PNJ   | 86,000  | 96,800       | 12.6%               | Tăng tỷ trọng |
| HPG   | 26,350  | 27,000       | 2.5%                | Nắm giữ       |
| DRI   | 13,970  | 15,100       | 8.1%                | Nắm giữ       |
| DPR   | 41,800  | 43,500       | 4.1%                | Nắm giữ       |
| VNM   | 63,300  | 70,400       | 11.2%               | Tăng tỷ trọng |
| STB   | 49,100  | 38,800       | -21.0%              | Bán           |
| ACB   | 23,850  | 26,650       | 11.7%               | Tăng tỷ trọng |
| MBB   | 28,750  | 31,100       | 8.2%                | Nắm giữ       |
| MSB   | 14,700  | 13,600       | -7.5%               | Giảm tỷ trọng |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| SHB   | 16,100  | 11,900       | -26.1%              | Bán           |
| TCB   | 35,600  | 30,700       | -13.8%              | Bán           |
| TPB   | 16,450  | 18,700       | 13.7%               | Tăng tỷ trọng |
| VIB   | 18,850  | 20,100       | 6.6%                | Nắm giữ       |
| VPB   | 25,100  | 24,600       | -2.0%               | Giảm tỷ trọng |
| CTG   | 45,600  | 42,500       | -6.8%               | Giảm tỷ trọng |
| HDB   | 28,450  | 28,000       | -1.6%               | Giảm tỷ trọng |
| VCB   | 62,800  | 69,900       | 11.3%               | Tăng tỷ trọng |
| BID   | 39,400  | 41,300       | 4.8%                | Nắm giữ       |
| LPB   | 36,550  | 28,700       | -21.5%              | Bán           |
| MSH   | 39,000  | 58,500       | 50.0%               | Mua           |
| IDC   | 47,100  | 72,000       | 52.9%               | Mua           |
| SZC   | 39,200  | 49,500       | 26.3%               | Mua           |
| BCM   | 69,700  | 80,000       | 14.8%               | Tăng tỷ trọng |
| SIP   | 67,000  | 88,000       | 31.3%               | Mua           |
| IMP   | 51,900  | 50,600       | -2.5%               | Giảm tỷ trọng |
| VHC   | 58,400  | 62,000       | 6.2%                | Nắm giữ       |
| ANV   | 24,850  | 17,200       | -30.8%              | Bán           |
| FMC   | 38,600  | 50,300       | 30.3%               | Mua           |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/07 Việt Nam & Mỹ – Chỉ số PMI
- 03/07 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 06/07 Việt Nam – Số liệu kinh tế Quý II và 6 tháng đầu năm
- 09/07 Hết 90 ngày tạm hoãn thuế đối ứng
- 15/07 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 6
- 16/07 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI tháng 6
- 17/07 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 21/07 Việt Nam – Công bố thành phần cổ phiếu mới trong VN30
- 27/07 Châu Âu – Chính sách tiền tệ ECB
- Cuối tháng Việt Nam – Mùa công bố KQKD Quý II và bán niên
- 31/07 Mỹ - Công bố số sơ bộ GDP  
Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành

**Mỹ và EU đạt thoả thuận thương mại:** Vào ngày 27/7, Tổng thống Donald Trump thông báo rằng Mỹ đã đạt thoả thuận thương mại với Liên minh châu Âu (EU) sau các cuộc thảo luận quan trọng giữa ông và Chủ tịch Ủy ban châu Âu Ursula von der Leyen tại Scotland. Chủ nhân Nhà Trắng cho biết thoả thuận sẽ áp dụng mức thuế quan đối ứng 15% đối với hầu hết hàng hoá châu Âu vào Mỹ, bao gồm cả ô tô. Ông Trump tiết lộ EU cũng đồng ý mua 750 tỷ USD hàng hoá năng lượng của Mỹ và đầu tư thêm 600 tỷ USD vào Mỹ so với mức hiện tại.

**Mỹ - Trung sẽ gia hạn thoả thuận đình chiến thuế quan thêm ba tháng:** Dẫn lời một số nguồn tin, tờ South China Morning Post (SCMP) cho biết Mỹ và Trung Quốc dự kiến sẽ gia hạn thoả thuận đình chiến thuế quan thêm ba tháng nữa. Một trong các nguồn tin lưu ý hai nước sẽ không áp đặt thêm thuế quan lên hàng hoá của nhau trong thời gian gia hạn. Thoả thuận đình chiến hiện tại sẽ kết thúc vào ngày 12/8. SCMP đưa ra thông tin trên trước thêm các cuộc đàm phán thương mại giữa Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ Scott Bessent và Phó Thủ tướng Trung Quốc He Lifeng. Các cuộc gặp dự kiến trong tuần này tại Stockholm, Thụy Điển.

**Giá vàng giảm sâu ngay đầu tuần:** Giá vàng trong nước giảm theo đà giảm của giá vàng thế giới. Trong bối cảnh có nhiều yếu tố hỗ trợ cho sự lạc quan của giới đầu tư tìm đến các tài sản rủi ro hơn là trú ẩn. Cụ thể, Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) họp thường kỳ vào ngày 29-30/7 và thị trường đang dự báo Fed sẽ không hạ lãi suất, mặc dù ông Trump vẫn gây áp lực lên cơ quan này. Bên cạnh đó, diễn biến tích cực từ các thoả thuận thương mại của các đối tác với Mỹ cũng góp thêm động lực.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**MML - Bứt phá trong quý 2, nâng lãi ròng bán niên lên gần 360 tỷ:** Theo BCTC hợp nhất quý 2/2025, CTCP Masan MeatLife đạt doanh thu thuần gần 2,340 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận ròng hơn 243 tỷ đồng, đưa lãi ròng bán niên lên gần 360 tỷ đồng. Tăng trưởng đến từ tất cả các mảng thịt mát, thịt chế biến và mảng trang trại. Doanh thu mảng thịt tăng nhờ giá heo hơi tăng, mạng lưới WinCommerce mở rộng, mảng thịt chế biến tăng trưởng nhanh và các kênh mới nổi như HORECA cho mảng gà thịt.

**MSN - Lợi nhuận Masan gần gấp đôi, hoàn thành hơn 50% kế hoạch năm:** Tập đoàn Masan vừa công bố báo cáo tài chính chưa kiểm toán, ghi nhận lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) 6 tháng đầu năm đạt 2.602 tỷ đồng. Con số này gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước và giúp tập đoàn hoàn thành hơn 50% kế hoạch cả năm. Kết quả kinh doanh cho thấy một bức tranh tương phản trong các mảng cốt lõi của Masan. Trong khi chuỗi bán lẻ WinCommerce (WCM) tăng trưởng mạnh và trở thành động lực chính, thì mảng hàng tiêu dùng nhanh Masan Consumer lại đối mặt với giảm doanh thu trong quý II do các yếu tố từ thị trường. Trong quý II, WCM ghi nhận doanh thu 9.130 tỷ đồng, tăng 16,4% so với cùng kỳ.

**VIB: Lợi nhuận 6 tháng hơn 5,000 tỷ đồng, tăng trưởng tín dụng 10%:** Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 với tổng thu nhập hoạt động hơn 9,700 tỷ đồng, và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 5,000 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2024. Biên lãi ròng (NIM) giữ ổn định ở mức 3.4%, đảm bảo hiệu quả sinh lời bền vững. Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm đạt 10% giúp tổng tài sản ngân hàng vượt mốc nửa triệu tỷ đồng, chất lượng tài sản tiếp tục được quản trị an toàn và duy trì ở mức tối ưu. Tỷ lệ nợ xấu giảm còn 2.54%, thấp hơn 0.14 điểm % so với cuối quý 1.

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415